

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 24/01/2019.

Về việc: “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Võ Thanh Bình.

2/. Bà Vũ Thị Lan.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên toà: không.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 285/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 14/01/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Kim T**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố Sơn Thịnh, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Anh **Danh C**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Thị Tứ, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Kim T trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Kim T và anh Danh C chung sống với nhau vào năm 2002, không tổ chức đám cưới. Sống với nhau một thời gian thì đến năm 2008 được UBND thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/8/2008. Sau khi kết hôn với nhau được một thời gian thì giữa vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn do giữa anh chị không cùng quan điểm sống, nhiều lần cự cãi với nhau, anh C còn nhiều lần hành hung chị. Đến năm 2015 chị và anh Danh C đã ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Danh C.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Danh C có với nhau hai người con chung tên Danh Thị Kim Ngân, sinh ngày 02/12/2003 và Danh Kim Quý, sinh ngày 02/3/2014. Các con chung hiện nay đều đang ở với chị T. Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Danh C trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh C vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Danh C nhưng bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Kim T và anh Danh C. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Kim T và anh Danh C là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/8/2018. Quá trình chung sống giữa chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp với nhau nên thường xuyên cãi vã, bất hòa. Đến năm 2015 hai anh chị đã sống ly thân cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy hiện chị T và anh C đã ly thân với nhau hơn ba năm nay, hiện tại anh chị đã không quan tâm, chăm sóc cho nhau, không còn giúp đỡ nhau và nghĩa vụ sống chung của vợ chồng cũng không còn theo quy định tại Điều 18 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của chị Kim T.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay các con chung đều đang sống cùng với chị T, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con chung. Do đó cần giao các cháu Danh Thị Kim Ngân, sinh ngày 02/12/2003 và Danh Kim Quý, sinh ngày 02/3/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngân muốn ở với mẹ (tức chị T) theo bản tự khai đề ngày 10/9/2018.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: do chị T không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 90, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Kim T được ly hôn với anh Danh C.

2/. Về con chung: Giao các cháu Danh Thị Kim Ngân, sinh ngày 02/12/2003 và Danh Kim Quý, sinh ngày 02/3/2014 cho chị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Danh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Anh Danh C có quyền được thăm nom , chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006959 ngày 21/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Kim T không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An